

Bản án số: 199/2020/HSST

Ngày: 15/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Đình Quốc.
2. Bà Lê Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 209/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 263/2020/QĐXXST-HS ngày 01/12/2020 đối với bị cáo:

PHẠM THỊ L – (tên gọi khác: M) sinh năm 1996, tại tỉnh B; Nơi cư trú: khu phố 10, phường T, thành phố P, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Đ- (chết) và bà Lê Thị Thả E - sinh năm 1969; Chưa có chồng con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Nhân thân: Không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khu phố Phú Thành, thị trấn Phú Long, huyện H, tỉnh B, vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Ngọc D – sinh năm 1983; nơi cư trú: Khu phố 2, phường T, thành phố P, tỉnh B (đang bị tạm giam trong vụ án khác), có mặt.
2. Ông Lương Văn L1 – sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu phố 6, phường Hưng Long, thành phố P, tỉnh B, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Hứa Toàn P– sinh năm 1989; nơi cư trú: Khu phố 3, phường T, thành phố P, tỉnh B, vắng mặt.

-Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Thanh N– sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu phố 5, phường Phú Thủy, thành phố P, tỉnh B, vắng mặt.

2. Ông Hoàng Ngọc Tr– sinh năm 1985; nơi cư trú: Khu phố 3, phường T, thành phố P, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 29/02/2020, ông Nguyễn Hoàng A điều khiển xe mô tô hiệu Sirius màu xám đen, biển số 86B3-691.69 đến nhà ông Nguyễn Công Tiến, sinh năm 1983 trú tại khu phố Phú Thịnh, thị trấn Phú Long, huyện H chơi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Phạm Thị L đến nhà ông Tiến tìm vợ ông Tiến nhưng không gặp nên L đã ở lại nói chuyện với ông A và ông Tiến. Đến 21 giờ cùng ngày, L nói phải về P nhưng không có xe nên nhờ ông A chở về đoạn phía sau Bệnh viện Đa khoa tỉnh B thì ông A đồng ý. Trên đường chở L về, ông A hỏi L đã ăn tối chưa thì L trả lời “Chưa ăn” nên A chở L ghé quán phở Minh K La G thuộc khu phố 5, phường Phú Thủy, thành phố P để ăn tối. Ông A dựng xe mô tô Sirius biển số 86B3-691.69 trước quán rồi cùng L vào quán gọi hai tô phở. Trong lúc đợi món, ông A để chìa khóa xe trên bàn ăn rồi đi vào nhà vệ sinh. Lúc này, Phạm Thị L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của ông A, L dựng ông A không có mặt, L lén lút lấy chìa khóa xe của A rồi đi ra trước quán lén lút lấy trộm chiếc xe Sirius biển số 86B3-691.69 của ông A điều khiển xe rời khỏi quán.

Sau khi chiếm đoạt chiếc xe trên, L điều khiển xe đến gặp Võ Ngọc D là bạn trai của L đang ở tại Khách Sạn Minh Hạnh thuộc khu phố 12 phường Phú Thủy, thành phố P. Do thấy D không có tiền trả khách sạn nên L nói dối với D xe này mượn của chú ruột ít ngày và bảo D mang xe đi cầm cố, ngày mai chuộc lại rồi trả cho chú thì D đồng ý. Đến khoảng 10 giờ ngày 01/3/2020, qua sự giới thiệu của một số bạn bè quen biết ngoài xã hội trong đó có Hoàng Ngọc Tr, D đã mang chiếc xe mô tô Sirius biển số 86B3-691.69 đến nhà Hứa Toàn P (Cu T2) tại khu phố 3, phường T, thành phố P để cầm thế xe, tại nhà của Hứa Toàn P D gặp Lương Văn L1 là bạn của Hứa Toàn P, D và L1 đã trao đổi về việc cầm thế xe. Do D nói xe này của D, đang bỏ quên giấy tờ xe ở nhà và hẹn chiều đến chuộc xe nên L1 đồng ý nhận cầm cố với giá 2.000.000đồng. L1 đưa cho D 1.800.000đồng và giữ lại 200.000đồng gọi là tiền cầm cố xe nhanh. Sau khi nhận tiền từ L1, D quay về lại khách sạn gặp L, cả hai sử dụng số tiền này để trả tiền khách sạn và tiêu xài cá nhân hết.

Đối với Nguyễn Hoàng A, sau khi đi vệ sinh, A trở lại bàn ăn trong quán thì không thấy L, chìa khóa và xe của mình. Lúc này chủ quán phở là bà N nói với A về việc người phụ nữ đi cùng A lúc nãy vừa điều khiển xe mô tô đi. Ông

Â nhiều lần gọi điện thoại cho bà L nhưng không được, đến khoảng 09 giờ ngày 01/3/2020, ông Á đến Công an phường Phú Thủy trình báo sự việc bị chiếm đoạt tài sản như trên.

Qua trình sát nắm tình hình, cơ quan điều tra đã triệu tập Phạm Thị L lên làm việc. Qua trình điều tra, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius –biển số 86B3-691.69 - số máy: E3X9E609679 – số khung: 3240KY226076 (do Lương Văn L1 giao nộp).

Tại Kết luận định giá tài sản số 90/KL-HĐĐG ngày 24/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố P xác định:

01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius –Biển số 86B3-691.69 - số máy: E3X9E609679 – số khung: 3240KY226076. Giá trị tài sản là 19.620.000đồng (Mười chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Cơ quan cảnh sát điều tra –Công an thành phố P đã xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu ông Nguyễn Hoàng Á. Sau khi nhận lại tài sản, ông Á không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Đối với ông Lương Văn L1, người nhận cầm cố chiếc xe mô tô trên từ Võ Ngọc D với số tiền 1.800.000đồng, ông L1 không yêu cầu về dân sự.

Đối với Võ Ngọc D, Lương Văn L1, Hứa Toàn P là những người có liên quan đến việc cầm cố chiếc xe mô tô Sirius là vật chứng của vụ án, do không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 192/CT-VKSPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố đối với bị cáo Phạm Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì Phạm Thị L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và trong đơn xin xét xử vắng mặt bị hại ông Nguyễn Hoàng Á đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị L từ 09 (chín) tháng tù đến 12 (mười hai) tháng tù.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, không tranh luận với Kiểm sát viên; không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận: Phạm Thị L là người có đủ năng L1 trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Thế nhưng, vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài phục vụ cho nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, khoảng 21 giờ ngày 29/02/2020, tại quán phở Minh K La G thuộc Khu phố 5, phường Phú Thủy, thành phố P, Phạm Thị L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển kiểm soát 86B 691.69 trị giá 19.620.000đồng của ông Nguyễn Hoàng Á.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo là hành vi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, hơn nữa còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi vừa nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhÂ dÂ thành phố P, tỉnh B đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để học tập, cải tạo thành công dÂ tốt, biết tôn trọng pháp luật, đồng thời để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy là hợp lý vì quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo đầy đủ thể hiện sự thành khẩn; trước khi bị khởi tố về tội này bị cáo chưa từng bị xét xử về tội phạm khác, tội phạm do bị cáo thực hiện có khung hình phạt đến 03 năm tù, là tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại Nguyễn Hoàng Á xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[4] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố P đã xử lý vật chứng trả lại 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius –Biển số 86B3-691.69 - số máy: E3X9E609679 – số khung: 3240KY226076. Giá trị tài sản là 19.620.000đồng cho bị hại Nguyễn Hoàng Á là đúng theo quy định pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Hoàng A đã nhận lại tài sản xong, không có yêu cầu bồi thường và người có quyền L nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn L1 không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với Võ Ngọc D, Lương Văn L1, Hứa Toàn P là những người có liên quan đến việc cầm cố chiếc xe mô tô Sirius là vật chứng của vụ án, do những người này đều không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị L 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thị L phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- VKSND thành phố P
- VKSND tỉnh B
- Công an thành phố P
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục THADS P;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Tiên